

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 96/2020/TT-BTC

Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 2020

THÔNG TƯ

Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đối tượng công bố thông tin bao gồm:

- a) Công ty đại chúng;
- b) Tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng;
- c) Tổ chức phát hành thực hiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng;

d) Tổ chức niêm yết trái phiếu doanh nghiệp;

đ) Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam và chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi là chi nhánh công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam); văn phòng đại diện công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam; quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

e) Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con (sau đây gọi là Sở giao dịch chứng khoán), Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

g) Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định pháp luật.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Công ty đại chúng quy mô lớn* là công ty đại chúng có vốn góp của chủ sở hữu từ 120 tỷ đồng trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán.

2. *Quỹ đại chúng* là quỹ đóng, quỹ mở, quỹ hoán đổi danh mục, quỹ đầu tư bất động sản và công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.

3. *Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin* bao gồm:

a) Người nội bộ của công ty đại chúng, người nội bộ của quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng theo quy định tại khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán và người có liên quan của người nội bộ;

b) Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng; nhà đầu tư, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng;

c) Cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

d) Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 tổ chức phát hành hoặc từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng;

đ) Cổ đông, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng; nhà đầu tư hoặc nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng;

e) Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của công ty đại chúng, chứng chỉ quỹ đóng của quỹ đầu tư mục tiêu; công ty mục tiêu, công ty quản lý quỹ đầu tư mục tiêu.

4. *Người có liên quan* là tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.

5. *Ngày công bố thông tin* là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư này.

6. *Ngày báo cáo* là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán hoặc ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.

7. *Tổ chức niêm yết cổ phiếu* là tổ chức có cổ phiếu phát hành được niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán.

8. *Tổ chức niêm yết trái phiếu doanh nghiệp* là tổ chức có trái phiếu doanh nghiệp phát hành được niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán.

9. *Tổ chức đăng ký giao dịch* là tổ chức có cổ phiếu phát hành được đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán.

10. *Tổ chức kiểm toán được chấp thuận* là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.

11. *Ngày thực hiện giao dịch chứng khoán* được xác định như sau:

a) Là ngày đặt lệnh giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán;

b) Là ngày đăng ký thực hiện giao dịch quyền mua, đăng ký thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu trong trường hợp thực hiện quyền mua, quyền chuyển đổi trái phiếu;

c) Là ngày các bên đề nghị chuyển quyền sở hữu chứng khoán trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

d) Là ngày nộp phiếu tham dự đấu giá trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;

đ) Là ngày các bên đề nghị chuyển nhượng tại tổ chức phát hành trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và không thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán.

12. Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán được xác định như sau:

a) Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán;

b) Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện quyền mua;

c) Là ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu theo thông báo của tổ chức phát hành;

d) Là ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

đ) Là ngày kết thúc việc thanh toán tiền mua cổ phần theo thông báo của tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;

e) Là ngày tổ chức phát hành xác nhận hiệu lực của việc chuyển nhượng chứng khoán trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và không thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán.

Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.

2. Đối tượng công bố thông tin phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

3. Các đối tượng quy định tại Điều 2 Thông tư này khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán thực hiện công khai thông tin.

4. Việc công bố thông tin của tổ chức phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Việc công bố thông tin của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện. Việc công bố thông tin do người thực hiện công bố thông tin thực hiện được quy định cụ thể tại Điều 6 Thông tư này.

5. Các đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định tại Thông tư này như sau:

a) Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm;

b) Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm.

Điều 5. Ngôn ngữ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

1. Ngôn ngữ thông tin công bố trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam công bố thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

Điều 6. Người thực hiện công bố thông tin

1. Các đối tượng công bố thông tin là tổ chức phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền công bố thông tin của tổ chức đó.

a) Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà tất cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin. Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban Điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm công bố thông tin;

b) Tổ chức phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện công bố thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện công bố thông tin bao gồm: Giấy ủy quyền công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này, Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin là cá nhân có thể tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin hoặc ủy quyền cho 01 tổ chức (công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đại chúng, thành viên lưu ký, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam hoặc tổ chức khác) hoặc 01 cá nhân khác thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như sau:

a) Trường hợp tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin, trong lần công bố thông tin đầu tiên, nhà đầu tư cá nhân phải nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này và có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin khi có sự thay đổi các nội dung trong Bản cung cấp thông tin nêu trên;

b) Trường hợp ủy quyền công bố thông tin, nhà đầu tư cá nhân phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Nhà đầu tư có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin về tình trạng sở hữu chứng khoán của mình và mối quan hệ với người có liên quan (nếu có) cho tổ chức hoặc cá nhân được ủy quyền công bố thông tin để những người này thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin theo quy định pháp luật;

c) Cá nhân phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người được ủy quyền công bố thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc ủy quyền công bố thông tin có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người được ủy quyền công bố thông tin bao gồm: Giấy ủy quyền công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này, Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này (trường hợp người được ủy quyền công bố thông tin là cá nhân).

3. Nhà đầu tư nước ngoài, nhóm nhà đầu tư nước ngoài thực hiện nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin theo quy định của Thông tư này và pháp luật về hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

4. Việc công bố thông tin của quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán thực hiện.

Điều 7. Phương tiện báo cáo, công bố thông tin

1. Các phương tiện báo cáo, công bố thông tin bao gồm:

- a) Trang thông tin điện tử (website) của tổ chức là đối tượng công bố thông tin;
- b) Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- c) Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán, phương tiện công bố thông tin khác theo Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán;
- d) Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
- đ) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử,...).

2. Tổ chức là đối tượng công bố thông tin phải lập trang thông tin điện tử theo quy định sau:

a) Công ty đại chúng phải lập trang thông tin điện tử khi thực hiện thủ tục đăng ký công ty đại chúng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Tổ chức phát hành thực hiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, tổ chức phát hành trái phiếu ra công chúng phải lập trang thông tin điện tử trước khi thực hiện chào bán. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam phải lập trang thông tin điện tử khi chính thức hoạt động. Tổ chức niêm yết trái phiếu doanh nghiệp, tổ chức niêm yết cổ phiếu, tổ chức đăng ký giao dịch phải lập trang thông tin điện tử khi thực hiện thủ tục đăng ký niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán;

b) Các tổ chức khi lập trang thông tin điện tử phải báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này;

c) Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ công ty, Quy chế công bố thông tin, Quy chế nội bộ về quản trị công ty (nếu có), Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (nếu có), Bản cáo bạch (nếu có), các thông tin công bố định kỳ, bất thường, theo yêu cầu và các hoạt động khác quy định tại Thông tư này;

d) Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

3. Công ty đại chúng, tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng, tổ chức phát hành thực hiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam phải thực hiện công bố

thông tin, báo cáo trên các phương tiện quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này.

4. Tổ chức niêm yết cổ phiếu, tổ chức niêm yết trái phiếu doanh nghiệp, tổ chức đăng ký giao dịch, công ty chứng khoán thành viên, quỹ đại chúng niêm yết, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng thực hiện công bố thông tin, báo cáo trên các phương tiện quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều này.

5. Sở giao dịch chứng khoán thực hiện công bố thông tin trên phương tiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

6. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện công bố thông tin trên phương tiện quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.

7. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, đối tượng nêu tại khoản 3 và khoản 4 Điều này thực hiện công bố thông tin trên phương tiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

8. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật của các đối tượng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 7 Điều này thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

9. Cách thức báo cáo, công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.

10. Đối tượng công bố thông tin không phải gửi bản giấy để báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán trong trường hợp các tài liệu đã được thực hiện công bố trên tất cả các phương tiện báo cáo, công bố theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này và đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về văn bản điện tử.

Điều 8. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Đối tượng công bố thông tin được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh

và các lý do bất khả kháng khác. Đối tượng công bố thông tin phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin), đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

Chương II

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY ĐẠI CHỨNG

Điều 9. Công bố thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận hoàn tất việc đăng ký công ty đại chúng theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật Chứng khoán, công ty đại chúng có trách nhiệm công bố về việc trở thành công ty đại chúng kèm bản công bố thông tin về công ty đại chúng trên trang thông tin điện tử của công ty, hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 10. Công bố thông tin định kỳ

1. Công ty đại chúng phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo nguyên tắc sau:

a) Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ của tổ chức khác, công ty đại chúng phải công bố 02 báo cáo: báo cáo tài chính năm của riêng đơn vị mình và báo cáo tài chính năm hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

Trường hợp công ty đại chúng là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng phải công bố báo cáo tài chính năm tổng hợp theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ của tổ chức khác, đồng thời là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng, công ty đại chúng phải công bố 02 báo cáo: báo cáo tài chính năm tổng hợp và báo cáo tài chính năm hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

b) Công ty đại chúng phải công bố thông tin về báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính;

c) Thời hạn công bố báo cáo tài chính năm

Công ty đại chúng phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Công ty đại chúng phải lập báo cáo thường niên theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này và công bố báo cáo này trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

3. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

a) Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn, công ty đại chúng phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty và của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp là tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch) về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có);

b) Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố theo thời hạn quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Thông tư này.

4. Công ty đại chúng phải công bố thông tin về báo cáo tình hình quản trị công ty theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.

Điều 11. Công bố thông tin bất thường

1. Công ty đại chúng phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;

b) Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;

c) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;

d) Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;

đ) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;

e) Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

g) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;

h) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;

i) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng;

k) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:

Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;

Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;

Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông; công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình để sửa lỗi giao dịch hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ, công ty công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin;

l) Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty). Đồng thời, công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp

thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;

m) Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất;

n) Khi nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty;

o) Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;

p) Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;

q) Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;

r) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty;

s) Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.

2. Khi công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này, công ty đại chúng phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

3. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

a) Việc công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư này;

b) Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn, công ty đại chúng phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

4. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu

a) Công ty đại chúng công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Công ty đại chúng công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

5. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, công ty đại chúng phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 10, khoản 2 và khoản 3 Điều 14 Thông tư này.

6. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác

Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty đại chúng công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

Điều 12. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Trong các trường hợp sau đây, công ty đại chúng phải công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi công ty niêm yết, đăng ký giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;

b) Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 13. Công bố thông tin về các hoạt động khác của công ty đại chúng

1. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.

Công ty đại chúng thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.

2. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Công ty đại chúng phải công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty mình và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của công ty, Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

3. Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ

Trường hợp công ty đại chúng mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.

Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

Chương III**CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT CỔ PHIẾU,
CÔNG TY ĐẠI CHỨNG QUY MÔ LỚN****Điều 14. Công bố thông tin định kỳ**

1. Tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn phải công bố các nội dung định kỳ theo quy định tại Điều 10 Thông tư này.

2. Tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.

a) Báo cáo tài chính bán niên phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của công ty, được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Thông tư này;

b) Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần;

c) Thời hạn công bố báo cáo tài chính bán niên

Tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

Trường hợp tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

3. Tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn phải công bố báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có).

a) Báo cáo tài chính quý phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Thông tư này;

b) Toàn văn báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có) phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp báo cáo tài chính quý được soát xét có kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần;

c) Thời hạn công bố báo cáo tài chính quý

Tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn phải công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý. Tổ chức niêm yết

cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn công bố báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.

Trường hợp tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng thì phải công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.

Trường hợp tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn đã thực hiện công bố Báo cáo tài chính quý đã được soát xét trong thời hạn quy định của Báo cáo tài chính quý thì không phải thực hiện công bố Báo cáo tài chính quý.

4. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại khoản 1, 2 và 3 Điều này, tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;

b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;

c) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

5. Trường hợp tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc đồng thời là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng phải giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại khoản 4 Điều này trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc báo cáo tài chính tổng hợp và báo cáo tài chính hợp nhất.

Điều 15. Công bố thông tin bất thường

1. Tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn phải công bố thông tin bất thường trong các trường hợp quy định tại Điều 11 Thông tư này.

2. Tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;

b) Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất đối với trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ);

c) Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).

Điều 16. Công bố thông tin theo yêu cầu

Tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn công bố thông tin theo yêu cầu quy định tại Điều 12 Thông tư này.

Điều 17. Công bố thông tin về các hoạt động khác của tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn

Tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn công bố thông tin về các hoạt động khác theo quy định tại Điều 13 Thông tư này.

Điều 18. Thời điểm bắt đầu thực hiện và chấm dứt việc công bố thông tin của công ty đại chúng quy mô lớn

1. Công ty đại chúng thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của công ty đại chúng quy mô lớn theo quy định tại Thông tư này kể từ thời điểm có vốn góp của chủ sở hữu từ 120 tỷ đồng trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán.

2. Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày không còn là công ty đại chúng quy mô lớn theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này, công ty tiếp tục thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như công ty đại chúng quy mô lớn theo quy định tại Thông tư này.

Chương IV

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP RA CÔNG CHÚNG, TỔ CHỨC NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP VÀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH THỰC HIỆN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG

Điều 19. Công bố thông tin của tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng

1. Tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng thực hiện công bố thông tin về việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng theo quy định pháp luật về chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng.

2. Tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin các nội dung sau:

a) Công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, báo cáo thường niên và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên (đối với tổ chức phát hành là công ty cổ phần) kể từ khi kết thúc đợt chào bán trái phiếu ra công chúng cho đến khi hoàn tất thanh toán trái phiếu theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 10 Thông tư này;

b) Đối với trường hợp huy động vốn để thực hiện các dự án đầu tư, tổ chức phát hành phải công bố thông tin định kỳ về báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán đã được kiểm toán, báo cáo tiến độ sử dụng vốn kể từ khi kết thúc đợt chào bán trái phiếu ra công chúng cho đến khi hoàn tất thanh toán trái phiếu hoặc giải ngân hết số tiền đã huy động tùy theo thời điểm nào đến trước, cụ thể như sau:

Tổ chức phát hành trái phiếu ra công chúng phải thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận hoặc công bố đồng thời báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán đã được kiểm toán xác nhận cùng báo cáo tài chính năm được kiểm toán và báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc Hội đồng thành viên thường niên;

Định kỳ 06 tháng, tổ chức phát hành phải công bố thông tin về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo;

c) Tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng phải công bố thông tin về tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch;

d) Công bố thông tin bất thường khi xảy ra một trong các sự kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư này và phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có);

đ) Trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi không bắt buộc, tổ chức phát hành phải gửi thư thông báo tới từng trái chủ và thực hiện công bố thông tin về thời gian, tỷ lệ, giá, địa điểm đăng ký chuyển đổi tối thiểu 01 tháng trước ngày chuyển đổi trái phiếu;

e) Công bố thông tin theo yêu cầu quy định tại Điều 12 Thông tư này.

Điều 20. Công bố thông tin của tổ chức niêm yết trái phiếu doanh nghiệp

1. Tổ chức niêm yết trái phiếu doanh nghiệp là công ty đại chúng thực hiện công bố thông tin theo quy định tại các Điều 10, 11, 12 và 13 Thông tư này.

2. Tổ chức niêm yết trái phiếu doanh nghiệp là tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn thực hiện công bố thông tin theo quy định tại các Điều 14, 15, 16 và 17 Thông tư này.

3. Tổ chức niêm yết trái phiếu doanh nghiệp không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thực hiện công bố thông tin kể từ thời điểm trái phiếu doanh nghiệp được niêm yết cho đến khi hoàn tất thanh toán trái phiếu hoặc thời điểm trái phiếu doanh nghiệp bị hủy niêm yết tùy theo thời điểm nào đến trước, cụ thể như sau:

a) Công bố định kỳ báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận và báo cáo thường niên theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 10 Thông tư này;

b) Công bố thông tin bất thường khi xảy ra một trong các sự kiện theo quy định tại Điều 15 Thông tư này (Hội đồng quản trị được đổi thành Hội đồng thành viên nếu là công ty trách nhiệm hữu hạn);

c) Công bố thông tin theo yêu cầu quy định tại Điều 12 Thông tư này.

Điều 21. Công bố thông tin của tổ chức phát hành thực hiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng

1. Tổ chức phát hành thực hiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng phải công bố thông tin về việc chào bán cổ phiếu ra công chúng theo quy định pháp luật về chào bán cổ phiếu ra công chúng.

2. Tổ chức phát hành có vốn góp của chủ sở hữu sau khi hoàn thành chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng từ 120 tỷ đồng trở lên thực hiện công bố thông tin theo quy định tại các Điều 14, 15, 16 và 17 Thông tư này.

Chương V
CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN, CÔNG TY
QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN, CHI NHÁNH CÔNG TY
CHỨNG KHOÁN VÀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ NƯỚC NGOÀI
TẠI VIỆT NAM

Điều 22. Công bố thông tin định kỳ

1. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam thực hiện công bố thông tin định kỳ theo quy định tại Điều 14 Thông tư này (trường hợp công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán là công ty trách nhiệm hữu hạn thì Đại hội đồng cổ đông được đổi thành Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị được đổi thành Hội đồng thành viên).

2. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam phải công bố báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/6 đã được soát xét và tại ngày 31/12 đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận cùng thời điểm với việc công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét và báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

Điều 23. Công bố thông tin bất thường

1. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán là công ty cổ phần, chi nhánh công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam thực hiện công bố thông tin bất thường theo quy định tại Điều 15 Thông tư này và trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với công ty, chi nhánh, người hành nghề chứng khoán của công ty, chi nhánh; Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc) bị tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề chứng khoán có thời hạn, thu hồi chứng chỉ hành nghề chứng khoán;

b) Khi nhận được quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự liên quan đến người hành nghề chứng khoán của công ty, chi nhánh;

c) Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc đặt công ty vào diện cảnh báo, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt hoặc đưa ra khỏi diện cảnh báo, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt; đình chỉ hoạt động, tạm ngừng hoạt động hoặc chấm dứt tình trạng đình chỉ hoạt động, tạm ngừng hoạt động;

d) Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận việc thành lập, đóng cửa, thay đổi tên, địa điểm chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện ở trong nước hoặc nước ngoài; thay đổi nghiệp vụ kinh doanh tại chi nhánh; thành lập công ty con ở nước ngoài; việc đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

đ) Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận việc thực hiện cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến; cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán hoặc cung cấp dịch vụ cho vay chứng khoán; cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán; lưu ký chứng khoán; bù trừ và thanh toán chứng khoán; các dịch vụ trên thị trường chứng khoán phái sinh;

e) Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về chào bán và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài;

g) Khi hoàn tất các giao dịch chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp để trở thành cổ đông, thành viên góp vốn nắm giữ từ 10% trở lên vốn điều lệ đã góp của công ty chứng khoán không phải là công ty đại chúng; các giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp chiếm từ 10% trở lên vốn điều lệ hoặc giao dịch dẫn tới tỷ lệ sở hữu của cổ đông, thành viên góp vốn vượt qua hoặc xuống dưới các mức sở hữu 10%, 25%, 50%, 75% vốn điều lệ của công ty quản lý quỹ không phải là công ty đại chúng;

h) Khi công ty chứng khoán tự nguyện chấm dứt, ngừng cung cấp một trong các sản phẩm, dịch vụ, nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán;

i) Khi công ty chứng khoán bị sự cố công nghệ thông tin làm ảnh hưởng đến việc thực hiện giao dịch chứng khoán cho khách hàng.

2. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán là công ty trách nhiệm hữu hạn phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ

khi xảy ra một trong các sự kiện theo quy định tại điểm a, b, c, e, g, h, l, n, o, p, r và s khoản 1 Điều 11, khoản 2 Điều 15 và khoản 1 Điều này (Đại hội đồng cổ đông được đổi thành Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị được đổi thành Hội đồng thành viên).

3. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam khi công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 24. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam phải công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán khi có thông tin liên quan đến công ty, chi nhánh ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

2. Nội dung thông tin công bố quy định tại khoản 1 Điều này phải nêu rõ sự kiện được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán yêu cầu công bố; nguyên nhân, mức độ xác thực của sự kiện đó và giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 25. Công bố thông tin khác của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam

1. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh, văn phòng đại diện công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam phải công bố thông tin hoạt động trên phương tiện công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và 01 tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp ít nhất 30 ngày trước ngày dự kiến chính thức hoạt động.

2. Công ty chứng khoán phải công bố thông tin tại trụ sở chính, các chi nhánh, phòng giao dịch và đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty về các nội dung liên quan đến phương thức giao dịch, đặt lệnh, ký quỹ giao dịch, thời gian thanh toán, phí giao dịch, các dịch vụ cung cấp và danh sách những người hành nghề chứng khoán của công ty. Trường hợp cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ, công ty chứng khoán phải thông báo các điều kiện cung cấp dịch vụ, bao gồm yêu

câu về tỷ lệ ký quỹ, lãi suất vay, thời hạn vay, phương thức thực hiện lệnh gọi ký quỹ bổ sung, danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ.

3. Công ty chứng khoán khi thực hiện lệnh bán giải chấp chứng khoán ký quỹ hoặc bán chứng khoán cầm cố của khách hàng là người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty chứng khoán. Sau khi giao dịch được thực hiện, công ty chứng khoán phải thông báo về kết quả giao dịch cho khách hàng chậm nhất vào cuối ngày giao dịch để khách hàng thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Điều 33 Thông tư này.

4. Công ty chứng khoán là tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật về chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm.

5. Ngoại trừ trường hợp khách hàng ủy thác đứng tên sở hữu, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam cùng khách hàng ủy thác phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định sau:

a) Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng cho cổ đông lớn theo quy định tại Điều 31 Thông tư này khi toàn bộ số cổ phiếu thuộc sở hữu của công ty quản lý quỹ và các khách hàng ủy thác hoặc số cổ phiếu thuộc sở hữu của chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam, công ty mẹ của chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam và các khách hàng ủy thác đạt từ 5% trở lên tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng hoặc sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng, ngoại trừ khách hàng ủy thác là quỹ ETF;

b) Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng cho người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ theo quy định tại Điều 33 Thông tư này khi công ty quản lý quỹ là người có liên quan của người nội bộ theo quy định của pháp luật, ngoại trừ giao dịch hoán đổi và tái cơ cấu danh mục định kỳ theo chỉ số tham chiếu của Quỹ ETF.

6. Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin liên

quan đến giao dịch chứng khoán thay cho khách hàng của mình khi đứng tên sở hữu tài sản ủy thác của khách hàng trong trường hợp khách hàng của mình thuộc đối tượng công bố thông tin. Trường hợp khách hàng đầu tư đứng tên sở hữu tài sản ủy thác, khách hàng có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin theo quy định pháp luật.

7. Ngoài các quy định nêu tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải tuân thủ các nghĩa vụ công bố thông tin khác theo quy định tại Điều 13 Thông tư này và quy định pháp luật về thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

Chương VI

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA QUỸ ĐẠI CHÚNG, CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN ĐẠI CHÚNG

Điều 26. Công bố thông tin định kỳ về quỹ đại chúng

1. Công bố thông tin định kỳ của quỹ đại chúng

a) Báo cáo tài chính

Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét và báo cáo tài chính quý của quỹ. Nội dung báo cáo tài chính thực hiện theo quy định pháp luật về kế toán áp dụng cho quỹ có liên quan. Thời hạn công bố báo cáo tài chính thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 14 Thông tư này.

b) Báo cáo hoạt động đầu tư

Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải báo cáo và công bố định kỳ hằng tháng, quý, năm các báo cáo hoạt động đầu tư của quỹ theo quy định pháp luật về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

c) Báo cáo giá trị tài sản ròng

Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng của quỹ đại chúng định kỳ hằng tuần và công bố giá trị tài sản ròng

của quỹ tại ngày làm việc tiếp theo của ngày định giá theo quy định pháp luật về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

d) Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ

Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố định kỳ báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ của quỹ đại chúng bán niên và hằng năm theo quy định pháp luật về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

2. Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố thông tin liên quan tới Đại hội nhà đầu tư của quỹ đại chúng theo quy định áp dụng đối với Đại hội đồng cổ đông của công ty đại chúng tại khoản 3 Điều 10 Thông tư này.

3. Ngoài các quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải tuân thủ các nghĩa vụ công bố thông tin khác của quỹ đầu tư chứng khoán theo quy định pháp luật về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

4. Trừ các báo cáo tài chính theo quy định tại khoản 1 Điều này, thời hạn công bố các thông tin định kỳ khác của quỹ đại chúng như sau:

a) Đối với thông tin công bố định kỳ hằng tuần: Tại ngày làm việc đầu tiên của tuần kế tiếp hoặc tại ngày làm việc tiếp theo của ngày định giá (đối với quỹ mở);

b) Đối với thông tin công bố định kỳ hằng tháng: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc tháng gần nhất;

c) Đối với thông tin công bố định kỳ hằng quý: Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày kết thúc quý gần nhất;

d) Đối với thông tin công bố định kỳ 06 tháng (bán niên): Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng (bán niên) gần nhất;

đ) Đối với thông tin công bố định kỳ hằng năm: Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm gần nhất.

Điều 27. Công bố thông tin bất thường về quỹ đại chúng

1. Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây đối với quỹ đại chúng:

- a) Thông qua quyết định của Đại hội nhà đầu tư;
- b) Quyết định thay đổi vốn điều lệ của quỹ đóng;
- c) Được cấp hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ đại chúng ra công chúng;
- d) Bị đình chỉ, hủy bỏ đợt chào bán chứng chỉ quỹ đại chúng; quỹ đại chúng chào bán không thành công;
- đ) Sửa đổi Điều lệ, Bản cáo bạch;
- e) Quyết định hợp nhất, sáp nhập, chia tách, giải thể, thay đổi thời hạn hoạt động, thanh lý tài sản của quỹ đại chúng;
- g) Được cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ, Quyết định điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ;
- h) Công bố về ngày đăng ký cuối cùng, ngày thực hiện quyền cho nhà đầu tư của quỹ;
- i) Định giá sai giá trị tài sản ròng của quỹ đại chúng;
- k) Thay đổi tên quỹ, thay đổi ngân hàng giám sát, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; thay đổi thành viên lập quỹ, tổ chức tạo lập thị trường (đối với quỹ ETF);
- l) Vượt mức các hạn chế đầu tư và điều chỉnh sai lệch của danh mục đầu tư của quỹ đại chúng;
- m) Tạm ngừng giao dịch hoán đổi hoặc mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu vượt quá mức cho phép (đối với quỹ ETF);
- n) Các trường hợp quy định tại điểm a, đ, g, l, n và o khoản 1 Điều 11 Thông tư này.

2. Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố thông tin về Đại hội nhà đầu tư bất thường hoặc việc lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư bằng văn bản theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư này.

3. Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố các thông tin bất thường khác về quỹ đại chúng theo quy định pháp luật về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

4. Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán khi công bố thông tin về các sự kiện quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân, kế hoạch và các giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 28. Công bố thông tin định kỳ về công ty đầu tư chứng khoán đại chúng

1. Báo cáo tài chính

Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố các báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét và báo cáo tài chính quý của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng theo quy định tại Điều 14 Thông tư này.

2. Báo cáo hoạt động đầu tư

Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố định kỳ hằng tháng, quý, năm báo cáo hoạt động đầu tư của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng theo quy định pháp luật về hướng dẫn hoạt động và quản lý công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.

3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng

Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố định kỳ hằng tuần báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng theo quy định pháp luật về hướng dẫn hoạt động và quản lý công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.

4. Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.

Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố định kỳ bán niên, hằng năm báo cáo tổng kết hoạt động quản lý công ty đầu tư chứng khoán đại chúng theo quy định pháp luật về hướng dẫn hoạt động và quản lý công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.

5. Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư này.

6. Trừ các báo cáo tài chính theo quy định tại khoản 1 Điều này, thời hạn công bố thông tin định kỳ khác của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Thông tư này.

Điều 29. Công bố thông tin bất thường về công ty đầu tư chứng khoán đại chúng

1. Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây đối với công ty đầu tư chứng khoán đại chúng:

a) Bị đình chỉ, hủy bỏ đợt chào bán cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

b) Tạm ngừng giao dịch cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

c) Sửa đổi Điều lệ, Bản cáo bạch;

d) Quyết định hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, thay đổi thời hạn hoạt động, thanh lý tài sản của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; bị thu hồi Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động đối với công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

đ) Quyết định chào bán, phát hành cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; được cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng, Giấy chứng nhận đăng ký phát hành thêm cổ phiếu; Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động của công ty;

e) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;

g) Định giá sai giá trị tài sản ròng của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

h) Thay đổi tên công ty, thay đổi công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, ngân hàng giám sát;

i) Vượt hạn mức đầu tư và điều chỉnh sai lệch của danh mục đầu tư của công ty;

k) Các sự kiện khác có thể gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng tài chính, hoạt động của công ty;

l) Các trường hợp quy định tại điểm a, c, đ, g, i, l, n và o khoản 1 Điều 11 Thông tư này.

2. Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư này.

3. Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố các thông tin bất thường khác về công ty đầu tư chứng khoán đại chúng theo quy định pháp luật về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

Điều 30. Công bố thông tin theo yêu cầu về quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng

1. Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố thông tin liên quan tới quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán khi xảy ra một trong các sự kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư này và trong các trường hợp sau:

a) Có thông tin liên quan ảnh hưởng đến việc chào bán, giá chứng chỉ quỹ đại chúng; cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

b) Có thay đổi bất thường về giá, khối lượng giao dịch chứng chỉ quỹ đại chúng; cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

c) Các sự kiện khác theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.

2. Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố thông tin theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi niêm yết chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán, trong đó nêu rõ sự kiện được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán yêu cầu công bố, nguyên nhân, mức độ xác thực của sự kiện đó.

Chương VII

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

Điều 31. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; nhà đầu tư, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 tổ chức phát hành hoặc từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng

1. Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cho công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch) theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.

2. Cổ đông lớn của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải công bố thông tin và báo cáo cho công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch) trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này.

Ví dụ: Nhà đầu tư A sở hữu 5,2% số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức niêm yết X. Ngày T, ông A đặt lệnh giao dịch mua vào làm tăng tỷ lệ sở hữu cổ phiếu X từ 5,2% lên 5,7%. Tiếp sau đó, vào ngày T', ông A đặt lệnh mua tiếp làm tăng tỷ lệ sở hữu cổ phiếu X từ 5,7% lên 6,1%. Giao dịch tại ngày T' đã làm cho tỷ lệ sở hữu cổ phiếu X của ông A thay đổi vượt qua ngưỡng 6%, do vậy, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán, ông A phải công bố thông tin và báo cáo công ty X, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán về việc thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của mình.

3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc trở thành cổ đông lớn hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 12 Điều 3 Thông tư này.

4. Quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này cũng áp dụng đối với nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; nhà đầu tư, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 tổ chức phát hành hoặc từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng. Nhóm nhà đầu tư

nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 tổ chức phát hành hoặc từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng thực hiện công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục IX và Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này căn cứ trên tổng số lượng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng mà nhóm nhà đầu tư nước ngoài đó nắm giữ.

5. Quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do công ty đại chúng mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc công ty đại chúng phát hành thêm cổ phiếu.

6. Công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của các đối tượng được quy định tại Điều này.

Điều 32. Công bố thông tin về giao dịch của cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng

1. Tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày thực hiện giao dịch, cổ đông sáng lập nắm giữ cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật về doanh nghiệp phải gửi báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch), Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, công ty đại chúng và công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán về việc thực hiện giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập, người thực hiện chuyển nhượng phải gửi bổ sung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chuyển nhượng nêu trên.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, cổ đông sáng lập phải báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch), Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, công ty đại chúng và công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán về kết quả thực hiện giao dịch đồng thời giải trình lý do không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của cổ đông sáng lập theo quy định tại Điều này, công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty.

Điều 33. Công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

1. Người nội bộ của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, quỹ đại chúng (sau đây gọi chung là người nội bộ) và người có liên quan của các đối tượng này (sau đây gọi chung là người có liên quan) phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết), công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

a) Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII hoặc Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do Sở giao dịch chứng khoán đã công bố thông tin và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ Sở giao dịch chứng khoán;

c) Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu, chứng chỉ quỹ hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải công bố thông

tin theo quy định tại Điều này được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai;

d) Người nội bộ và người có liên quan không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ, quyền mua chứng chỉ quỹ hoặc chứng quyền có bảo đảm trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó; ngoại trừ trường hợp công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam là người có liên quan của người nội bộ thực hiện đăng ký, giao dịch mua và bán chứng khoán cho các quỹ ETF hoặc đầu tư theo chỉ định của khách hàng ủy thác tuy nhiên phải đảm bảo từng khách hàng ủy thác không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán trong cùng một đợt đăng ký;

đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu quy định tại Phụ lục XV hoặc Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư này;

e) Người nội bộ và người có liên quan là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 31 Thông tư này thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

2. Người nội bộ và người có liên quan không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 31 Thông tư này thì phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 31 Thông tư này.

3. Quy định về nghĩa vụ công bố thông tin tại điểm a, b và d khoản 1 Điều này không áp dụng đối với trường hợp công ty chứng khoán bán giải chấp cổ phiếu của khách hàng là người nội bộ của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, quỹ đại chúng hoặc người có liên quan của các đối tượng này.

4. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, quỹ đại chúng hoặc người có liên quan của các đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Trường hợp công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch hoặc quỹ đại chúng niêm yết, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch hoặc chứng chỉ quỹ niêm yết, công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch hoặc công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.

6. Trường hợp công ty mẹ, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (công đoàn, đoàn thanh niên,...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng thực hiện giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

7. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại Điều này, công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty.

Điều 34. Công bố thông tin về quỹ hoán đổi danh mục

1. Trong giao dịch hoán đổi và giao dịch tái cơ cấu danh mục theo chỉ số tham chiếu, quỹ hoán đổi danh mục được miễn trừ nghĩa vụ công bố thông tin của cổ đông lớn, người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại Điều 31 và Điều 33 Thông tư này.

2. Thành viên lập quỹ và tổ chức tạo lập thị trường của quỹ hoán đổi danh mục được miễn trừ nghĩa vụ công bố thông tin của cổ đông lớn, người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại Điều 31 và Điều 33 Thông tư này khi giao dịch chứng khoán cơ cấu của quỹ hoán đổi danh mục trong các trường hợp sau:

a) Mua chứng khoán cơ cấu để thực hiện hoán đổi lấy chứng chỉ quỹ nhằm đáp ứng lệnh mua của nhà đầu tư khi thực hiện nghĩa vụ tạo lập thị trường;

b) Bán chứng khoán cơ cấu là kết quả của việc hoán đổi từ chứng chỉ quỹ nhằm đáp ứng lệnh bán từ nhà đầu tư khi thực hiện nghĩa vụ tạo lập thị trường.

3. Tổ chức tạo lập thị trường của quỹ hoán đổi danh mục được miễn trừ nghĩa vụ công bố thông tin trước khi thực hiện giao dịch của người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 33 Thông tư này khi thực hiện giao dịch tạo lập thị trường cho chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục theo mã nhận diện lệnh được Sở giao dịch chứng khoán cấp.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch hoán đổi, nhà đầu tư hoặc thành viên lập quỹ là người nội bộ của tổ chức niêm yết và người có liên quan của các đối tượng này phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 33 Thông tư này.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch hoán đổi, nhà đầu tư hoặc thành viên lập quỹ là cổ đông lớn của tổ chức niêm yết phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Điều 31 Thông tư này.

6. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch hoán đổi của người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn của tổ chức niêm yết theo quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này, tổ chức niêm yết phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty.

Điều 35. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai

Tổ chức, cá nhân chào mua công khai, công ty mục tiêu và công ty quản lý quỹ đầu tư mục tiêu phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về chào mua công khai.

Chương VIII

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA TỔNG CÔNG TY LƯU KÝ VÀ BÙ TRỪ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Điều 36. Nội dung công bố thông tin của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam

1. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau:

a) Cấp, thu hồi, điều chỉnh Giấy chứng nhận thành viên lưu ký, chi nhánh thành viên lưu ký, thành viên bù trừ;

b) Cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán lần đầu và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán, cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán bổ sung; thông tin về việc hủy đăng ký chứng khoán;

c) Bảo lưu mã chứng khoán trong nước;

d) Thực hiện quyền của các chứng khoán đã đăng ký tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

đ) Các trường hợp chuyển nhượng ngoài hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận;

e) Các hình thức xử lý vi phạm đối với thành viên lưu ký, thành viên bù trừ từ hình thức khiển trách trở lên;

g) Thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán, thông tin về đình chỉ, hủy bỏ tư cách thành viên lưu ký, thành viên bù trừ;

h) Xử lý các trường hợp mất khả năng thanh toán áp dụng các biện pháp bảo đảm thanh toán;

i) Hệ thống thanh toán bù trừ gặp sự cố bất khả kháng;

k) Thông tin về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng, tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; thông tin về số lượng cổ phiếu nhà đầu tư nước ngoài còn được phép mua tại công ty đại chúng, tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch;

l) Thông tin về giá thanh toán cuối cùng của chứng khoán phái sinh;

m) Công bố thông tin theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện công bố thông tin tối thiểu 02 ngày làm việc trước khi thực hiện áp dụng tỷ lệ ký quỹ đối với thành viên bù trừ.

3. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện công bố thông tin tối thiểu 02 ngày làm việc trước khi thực hiện áp dụng, thay đổi các mức giới hạn vị thế.

4. Định kỳ hằng tháng, quý và năm, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam phải công bố các thông tin sau:

- a) Số lượng tài khoản giao dịch của nhà đầu tư trong nước và nước ngoài;
- b) Cấp, hủy bỏ mã số giao dịch cho nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ;
- c) Quản lý và sử dụng quỹ bù trừ;
- d) Quản lý và sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán.

5. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày chốt danh sách cổ đông của công ty đại chúng, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đồng thời gửi Sở giao dịch chứng khoán thông tin về việc công ty không còn đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán.

6. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi trở thành thành viên hoặc không còn là thành viên của các tổ chức quốc tế về thị trường chứng khoán, tham gia ký kết các chương trình hành động, các cam kết quốc tế về phát triển thị trường chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam có nghĩa vụ công bố thông tin về các hoạt động này.

7. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam có nghĩa vụ công bố các thông tin khác theo quy định pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

Chương IX

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Điều 37. Nội dung công bố thông tin về giao dịch chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán

1. Thông tin trong giờ giao dịch

- a) Tổng số loại chứng khoán được phép giao dịch;
- b) Giá tham chiếu, giá trần, giá sàn, giá mở cửa, đóng cửa của từng ngày giao dịch, giá thực hiện và khối lượng thực hiện của giao dịch gần nhất, giá dự kiến

(trường hợp khớp lệnh định kỳ), giá giao dịch cao nhất trong phiên, giá giao dịch thấp nhất trong phiên, mức và ký hiệu biến động giá của từng loại chứng khoán, giá bình quân của chứng khoán (đối với thị trường Upcom);

c) Ba mức giá chào mua, chào bán tốt nhất của từng loại chứng khoán kèm theo khối lượng đặt mua, bán tương ứng với các mức giá đó;

d) Thông tin giao dịch của trái phiếu phân theo kỳ hạn còn lại, bao gồm: Các kỳ hạn giao dịch, lợi suất, khối lượng và giá trị của giao dịch gần nhất, biến động lợi suất của giao dịch gần nhất so với giao dịch trước đó;

đ) Giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài.

2. Thông tin cuối ngày giao dịch

a) Tình trạng các loại chứng khoán; khối lượng mở của từng loại chứng khoán phái sinh;

b) Tổng số loại chứng khoán được phép giao dịch trong ngày;

c) Chỉ số giá chứng khoán do Sở giao dịch chứng khoán xây dựng và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận; mức và biến động chỉ số so với ngày giao dịch trước đó;

d) Mức độ dao động giá cổ phiếu trong ngày giao dịch;

đ) Số lệnh, khối lượng đặt mua, bán và giá trị tương ứng với mỗi loại chứng khoán;

e) Tổng khối lượng giao dịch toàn thị trường (theo đợt khớp lệnh, ngày giao dịch);

g) Giá, khối lượng và giá trị giao dịch của từng loại chứng khoán:

- Khớp lệnh (theo từng đợt khớp lệnh và ngày giao dịch đối với khớp lệnh định kỳ và theo ngày giao dịch đối với trường hợp khớp lệnh liên tục);

- Thỏa thuận (nếu có): Thời điểm, loại thông tin giao dịch công bố thực hiện theo Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán;

- Giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch (nếu có).

h) Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của nhà đầu tư nước ngoài và giới hạn còn được mua đối với từng loại chứng khoán;

i) Thông tin giao dịch (giá, khối lượng giao dịch, tỷ trọng giao dịch so với toàn thị trường, mức độ, tỷ lệ thay đổi giá, khối lượng giao dịch) về 10 cổ phiếu có khối lượng giao dịch lớn nhất và 10 cổ phiếu biến động giá lớn nhất so với ngày giao dịch gần nhất;

k) Thông tin giao dịch (giá, khối lượng giao dịch, tỷ trọng giao dịch so với toàn thị trường; mức độ, tỷ lệ thay đổi giá và khối lượng giao dịch) của 10 cổ phiếu có giá trị niêm yết lớn nhất và 10 cổ phiếu có giá thị trường lớn nhất;

l) Thông tin giao dịch (giá, khối lượng giao dịch, tỷ trọng giao dịch so với toàn thị trường; mức độ, tỷ lệ thay đổi giá và khối lượng giao dịch) về trái phiếu bao gồm loại trái phiếu, lãi suất, thời gian đáo hạn, giá thực hiện, lợi suất hiện hành, lợi suất đáo hạn;

m) Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của các cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch;

n) Công bố thông tin theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3. Công bố thông tin khi thực hiện niêm yết mới, thay đổi mẫu hợp đồng chứng khoán, hủy niêm yết chứng khoán phái sinh theo quy định sau:

a) Công bố thông tin về hợp đồng mẫu tối thiểu 30 ngày trước khi thực hiện niêm yết lần đầu chứng khoán phái sinh;

b) Công bố thông tin tối thiểu 07 ngày làm việc trước khi áp dụng thay đổi điều khoản của hợp đồng mẫu chứng khoán phái sinh đang niêm yết;

c) Công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ kể từ khi hủy niêm yết chứng khoán phái sinh do tài sản cơ sở bị hủy niêm yết.

Điều 38. Nội dung thông tin công bố về tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán; thành viên giao dịch, thành viên giao dịch đặc biệt, thành viên tạo lập thị trường; công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán có quản lý quỹ đại chúng niêm yết, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng

1. Thông tin về tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch

a) Thông tin chung về hoạt động niêm yết, đăng ký giao dịch:

- Thông tin về chấp thuận niêm yết, đăng ký giao dịch, ngày giao dịch đầu tiên;

- Thông tin về hủy niêm yết, đăng ký giao dịch;

- Thông tin về thay đổi niêm yết, đăng ký giao dịch, ngày giao dịch bổ sung;
- Thông tin về niêm yết, đăng ký giao dịch lại;
- Thông tin về xử lý vi phạm đối với tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch theo Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán;
- Thông tin về chứng khoán không được giao dịch ký quỹ, giao dịch trong ngày;
- Thông tin về chứng khoán bị hạn chế giao dịch;
- Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch.

b) Các thông tin mà tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện công bố thông tin thông qua phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán.

2. Thông tin về thành viên giao dịch, thành viên giao dịch đặc biệt, thành viên tạo lập thị trường tại Sở giao dịch chứng khoán:

a) Thông tin chung về thành viên:

- Thông tin về chấp thuận thành viên giao dịch, thành viên giao dịch đặc biệt, lựa chọn thành viên tạo lập thị trường;

- Thông tin về xử lý vi phạm thành viên giao dịch, thành viên giao dịch đặc biệt, thành viên tạo lập thị trường, đại diện giao dịch theo Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán;

- Thông tin về hủy bỏ tư cách thành viên giao dịch, thành viên giao dịch đặc biệt, chấm dứt hợp đồng tạo lập thị trường của thành viên tạo lập thị trường;

- Thông tin về giá trị giao dịch môi giới của 10 thành viên có thị phần lớn nhất theo quý, bán niên và năm;

- Các thông tin khác.

b) Các thông tin mà thành viên giao dịch, thành viên giao dịch đặc biệt, thành viên tạo lập thị trường thực hiện công bố thông tin thông qua phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán.

3. Thông tin về công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán có quản lý quỹ đại chúng niêm yết, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng

a) Thông tin chung về công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán có quản lý quỹ đại chúng niêm yết, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng:

- Thông tin về số lượng công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán có quản lý quỹ đại chúng niêm yết, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

- Thông tin về số lượng quỹ đại chúng niêm yết, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng mà công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán quản lý;

- Thông tin về xử lý vi phạm đối với quỹ đại chúng niêm yết, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng theo Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán;

- Các thông tin khác.

b) Các thông tin liên quan đến quỹ niêm yết, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng mà công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán thực hiện công bố thông tin thông qua phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán.

4. Sở giao dịch chứng khoán phải công bố thông tin theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 37 và khoản 1, 2, 3 Điều này trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện hoặc sau khi nhận được báo cáo, thông báo, hồ sơ công bố thông tin đầy đủ và hợp lệ của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch, công ty chứng khoán thành viên, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 39. Thông tin về giám sát thị trường chứng khoán, thị trường chứng khoán phái sinh và thông tin về hoạt động của Sở giao dịch chứng khoán

1. Thông tin giám sát thị trường chứng khoán, thị trường chứng khoán phái sinh bao gồm:

a) Thông tin về tạm ngừng giao dịch hoặc cho phép giao dịch trở lại đối với chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch, chứng khoán phái sinh niêm yết;

b) Thông tin về chứng khoán bị cảnh báo, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt hoặc không còn bị cảnh báo, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt;

c) Thông tin về giao dịch của cổ đông lớn, giao dịch của cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng, giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ, giao dịch chào mua công khai, giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch;

d) Thông tin về việc vi phạm quy định công bố thông tin của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch, thành viên giao dịch, thành viên giao dịch đặc biệt, thành viên tạo lập thị trường;

đ) Thông tin về việc xử lý các vi phạm về hoạt động trên thị trường chứng khoán theo quy định tại Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán;

e) Thông tin về thay đổi biên độ dao động giá, áp dụng và thay đổi giới hạn lệnh;

g) Các hướng dẫn, thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán về quản lý, giám sát thị trường theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.

2. Sở giao dịch chứng khoán phải công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện hoặc sau khi nhận được báo cáo, thông báo, hồ sơ công bố thông tin đầy đủ và hợp lệ của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch, công ty chứng khoán thành viên và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Thông tin về hoạt động của Sở giao dịch chứng khoán

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi trở thành thành viên hoặc không còn là thành viên của các tổ chức quốc tế về thị trường chứng khoán, tham gia ký kết các chương trình hành động, các cam kết quốc tế về phát triển thị trường chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán có nghĩa vụ công bố thông tin về các hoạt động này.

4. Sở giao dịch chứng khoán có nghĩa vụ công bố các thông tin khác theo quy định pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

Chương X

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 40. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và thay thế Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

2. Việc công bố báo cáo tài chính, báo cáo thường niên của năm tài chính 2020 thực hiện theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10

năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 41. Tổ chức thực hiện

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và các đối tượng công bố thông tin khác chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này./.

-

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Huỳnh Quang Hải

Phụ lục I**Appendix I****GIẤY ỦY QUYỀN THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
POWER OF ATTORNEY TO DISCLOSE INFORMATION**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

*(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020
of the Minister of Finance)*

**TÊN CÔNG TY
COMPANY'S NAME**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số:..../GUQ-...

....., ngày... tháng..... năm.....

No:..../GUQ-...

....., month... day..... year.....

Giấy ủy quyền thực hiện
công bố thông tin*

Power of the attorney to
Disclose information*

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.

To:

- The State Securities Commission;
- The Stock Exchange.

I. Bên ủy quyền (sau đây gọi là “Bên A”) (là tổ chức có nghĩa vụ công bố thông tin)/Principal (hereinafter referred to as “Party A” - is a company, organization with obligation to disclose information):

- Tên giao dịch của tổ chức, công ty/Trading name of organization, company:.....

- Tên quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng (trường hợp công ty quản lý quỹ đăng ký người được ủy quyền công bố thông tin cho quỹ đại chúng)/Name of public securities investment fund (in case the fund management company registers authorized person to disclose information for public fund).....

- Mã chứng khoán/Securities code:

- Địa chỉ liên lạc/*Address*:

- Điện thoại/*Telephone*:..... Fax:..... Email:..... - Website:.....

II. Bên được ủy quyền (sau đây gọi là “Bên B”) /*Attorney-in-fact (hereinafter referred to as “Party B”)*:

- Ông (Bà)/*Mr (Ms/Mrs)*:

- Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/*ID card No. (or Passport No.)*:.....

Ngày cấp/*Date of issue*..... Nơi cấp/*Place of issue*.....

- Địa chỉ thường trú/*Permanent residence*:

- Chức vụ tại tổ chức, công ty/*Position in the organization, company*:

III. Nội dung ủy quyền (Content of authorization):

- Bên A ủy quyền cho Bên B làm “Người được ủy quyền công bố thông tin” của Bên A/*Party B is appointed as the “Authorized person to disclose information” of Party A.*

- Bên B có trách nhiệm thay mặt Bên A thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định pháp luật.

Party B, on behalf of Party A, is responsible to perform the disclosure obligations fully, accurately and promptly in accordance with the law.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày..... đến khi có thông báo hủy bỏ bằng văn bản của..... (Tên tổ chức, công ty, công ty quản lý quỹ)/*This Power of Attorney shall take effect from... until a written notice of revocation is submitted by..... (Name of organization, company/Name of fund management company).*

**BÊN A/NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT**

PARTY A/

LEGAL REPRESENTATIVE

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(Signature, full name and seal)

BÊN B/PARTY B

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Signature, full name)

Tài liệu đính kèm/*Attachments*:

- Bản cung cấp thông tin người được ủy quyền công bố thông tin theo mẫu tại Phụ lục 3/*Curriculum vitae of the authorized person to disclose information as Appendix 03*;

Ghi chú: Đối với tổ chức là nhà đầu tư nước ngoài, bên A là người đại diện theo pháp luật được thay thế bằng người đại diện theo thẩm quyền.

Note: For an organisation that is a foreign investor, party A is the legal representative instead of authorised representative.

Phụ lục II**Appendix II****GIẤY ỦY QUYỀN THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
POWER OF ATTORNEY TO DISCLOSE INFORMATION**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

*(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020
of the Minister of Finance)*

**CÁ NHÂN
FULL NAME**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số:.../GUQ-...

....., ngày... tháng..... năm.....

No:.../GUQ-...

....., month... day..... year.....

Giấy ủy quyền thực hiện
công bố thông tin*

Power of the attorney to
Disclose information*

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán;
- Tên Công ty đại chúng/công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

To:

- The State Securities Commission;
- The Stock Exchange;
- Name of Public company/fund management company.

I. Bên ủy quyền (sau đây gọi là “Bên A”) (là nhà đầu tư cá nhân có nghĩa vụ công bố thông tin)/*Principal (hereinafter referred to as “Party A” - is an individual investor with obligations to disclose information)*

- Ông (Bà)/*Mr (Ms/Mrs):*

- Quốc tịch/*Nationality:*

- Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/*ID card No. (or Passport No.):*..... Ngày cấp/*Date of issue*..... Nơi cấp/*Place of issue*.....

- Địa chỉ thường trú/Địa chỉ liên hệ/*Permanent residence/Address*:
- Mã số giao dịch (đối với NĐTNN) *Trading Code (for foreign investors)*:
- Các tài khoản giao dịch chứng khoán hoặc Tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có)/*The securities trading accounts or depository accounts (if any)*:

II. Bên được ủy quyền (sau đây gọi là “Bên B”)/*Attorney-in-fact (hereinafter referred to as “Party B”)*:

a) Trường hợp tổ chức được chỉ định, ủy quyền thực hiện công bố thông tin/*In case an organization is designated, authorized to disclose information*:

- Tên tổ chức/*Organisation’s name*:
- Địa chỉ trụ sở chính (địa chỉ liên lạc)/tel/fax/email/*Head office address (address)/tel/fax/email....*
- Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương, ngày cấp... nơi cấp.../*Business Registration Certificate No., License on Operations or equivalent legal documents..., date of issue..., place of issue...*

- Họ và tên người đại diện theo pháp luật của tổ chức/Tên của cá nhân mà tổ chức đó chỉ định thực hiện việc công bố thông tin/*Name of the legal representative of that organisation/Name of authorized person of that organisation who is directly in charge of information disclosure*:

b) Trường hợp cá nhân được ủy quyền thực hiện công bố thông tin/*In case an individual is designated, authorized to disclose information*:

- Ông (Bà)/*Mr (Ms/Mrs)*:
- Quốc tịch/*Nationality*:
- Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/*ID card No. (or Passport No.):.....* Ngày cấp/*Date of issue....* Nơi cấp/*Place of issue...*
- Địa chỉ thường trú/*Permanent residence/*:
- Số điện thoại/*Telephone number*:
- Nghề nghiệp, nơi công tác, địa chỉ nơi công tác/*Occupation:..... at:.... working address:...*
- Chức vụ tại tổ chức, công ty nơi công tác/*Position in the organization/company*:

III. Nội dung ủy quyền (*Content of authorization*):

Bằng giấy ủy quyền này: Bên A ủy quyền cho bên B làm “Người công bố thông tin của bên A”. Bên A có trách nhiệm cung cấp thông tin về giao dịch cổ phiếu/chứng chỉ quỹ của mình cho bên B và chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, kịp thời, chính xác đối với thông tin cung cấp cho bên B. Bên B có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin liên quan đến các giao dịch của bên A theo quy định pháp luật/*By this authorization: Party A authorizes Party B to perform “information disclosure for Party A”. Party A shall provide information on share/fund certificate transactions to Party B and be responsible for the completeness, timeliness and accuracy of the information provided to Party B. Party B shall perform the obligations of information disclosure relating to the transactions of party A in accordance with the law.*

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày/*This Power of Attorney shall take effect from.....* đến ngày/*to.....* hoặc đến khi có thông báo hủy bỏ bằng văn bản của bên A/*until a written notice of revocation is submitted by Party A.*

BÊN A/PARTY A

(Ký, ghi rõ họ tên)
(*Signature, full name*)

BÊN B/PARTY B

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu là tổ chức)
(*Signature, full name and seal- in case of organisation*)

Phụ lục III
Appendix III
BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN
CIRRICULLUM VITAE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

....., ngày... tháng... năm.....

....., day.... month.... year.....

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN/CIRRICULLUM VITAE

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.

To:

- The State Securities Commission;
- The Stock Exchange.

1/ Họ và tên/*Full name*:

2/ Giới tính/*Sex*:

3/ Ngày tháng năm sinh/*Date of birth*:

4/ Nơi sinh/*Place of birth*:

5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/*ID card No. (or Passport No.)*:.....

Ngày cấp/*Date of issue*..... Nơi cấp/*Place of issue*.....

6/ Quốc tịch/*Nationality*:

7/ Dân tộc/*Ethnic*:

8/ Địa chỉ thường trú/*Permanent residence*:

9/ Số điện thoại/*Telephone number*:

10/ Địa chỉ email/*Email*:

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/*Organisation's name subject to information disclosure rules*:

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/*Current position in an organization subject to information disclosure*:

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/*Positions in other companies*:

14/ Số CP nắm giữ:....., chiếm.....% vốn điều lệ, trong đó:*Number of owning shares....., accounting for....% of charter capital, of which*:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu:*Owning on behalf of (the State/strategic investor/other organisation)*:

+ Cá nhân sở hữu/*Owning by individual*:

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/*Other owning commitments (if any)*:

16/ Danh sách người có liên quan của người khai*/*List of affiliated persons of declarant*:

* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019
Affiliated persons are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26th Nov 2019

| | | | | | | | | | | | | | | |
|-------|--|---------------------|--|---|-----------|---|----------|------------|--|--|-----------|--|------------------------------|---|
| 15.25 | | Nguyễn Thị D | | | Con Child | GCNĐKDN <i>Business Registration Certificate</i> | 30123456 | 15/10/2014 | | | | | Bổ nhiệm <i>Appointed</i> | No ID Card Nguyễn Văn C là thành viên HĐQT CTCP ABC <i>Board member</i> |
| 15.26 | | Công ty Cổ phần ABC | | Tổ chức có liên quan <i>Related organisation</i> | | | | | | | 15/4/2020 | | | |

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/*Related interest with public company, public fund (if any):*

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/*Interest in conflict with public company, public fund (if any):*

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/*I hereby certify that the information provided in this CV is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.*

**NGƯỜI KHAI/
DECLARANT**
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature, full name)

Phụ lục IV
Appendix IV
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
ANNUAL REPORT

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

*(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020
of the Minister of Finance)*

TÊN CÔNG TY
COMPANY'S NAME

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số:...../BC-

No:...../BC-

....., ngày... tháng..... năm.....

....., month... day..... year.....

BÁO CÁO/ANNUAL REPORT
Thường niên năm/Year

Kính gửi:.....

To:.....

I. Thông tin chung/General information

1. Thông tin khái quát/General information

- Tên giao dịch/*Trading name*:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/*Business Registration Certificate No.*:
- Vốn điều lệ/*Charter capital*:
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/*Owner's capital*:
- Địa chỉ/*Address*:
- Số điện thoại/*Telephone*:
- Số fax/*Fax*:
- Website:
- Mã cổ phiếu (nếu có)/*Securities code (if any)*:

- Quá trình hình thành và phát triển/*Establishment and development process* (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/*Date of establishment, time of listing, and development milestones since the establishment until now*).

- Các sự kiện khác/*Other events*:

2. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/Business lines and locations of the business*:

- *Ngành nghề kinh doanh/Business lines*: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/*Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

- *Địa bàn kinh doanh/Location of business*: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/*Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

3. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/Information about governance model, business organization and managerial apparatus*

- *Mô hình quản trị* (nêu rõ mô hình theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp)/*Governance model* (as stipulated in Article 137 of the Law on Enterprises).

- *Cơ cấu bộ máy quản lý/Management structure*.

- *Các công ty con, công ty liên kết/Subsidiaries, associated companies*: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/*Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership percentages of the Company in such subsidiaries, associated companies*).

4. *Định hướng phát triển/Development orientations*

- *Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/Main objectives of the Company*.

- *Chiến lược phát triển trung và dài hạn/Development strategies in medium and long term*.

- *Các mục tiêu phát triển bền vững* (môi trường, xã hội và cộng đồng) và *chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/Corporate*

objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability.

5. *Các rủi ro/Risks: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh, ...)/Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks).*

II. Tình hình hoạt động trong năm/Operations in the Year

1. *Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/Situation of production and business operations*

- *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/Results of business operations in the year: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp, ... /Specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc.*

- *Tình hình thực hiện so với kế hoạch/Implementation situation/actual progress against the plan: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề/Comparing the actual progress with the targets and the results of the preceding years. Analyzing specific reasons of the unachievement/achievement/excess of the targets and against the preceding years.*

2. *Tổ chức và nhân sự/Organization and Human resource*

- *Danh sách Ban điều hành/List of the Board of Management: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/List, curriculum vitae and ownership percentage of the Company's voting shares and other securities by the Company's General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers.*

- *Những thay đổi trong ban điều hành/Changes in the Board of Management: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/(List the changes in the Board of Management in the year).*

-Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động/*Number of staffs. Brief information and changes on the employee's policies.*

3. *Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/Investment activities, project implementation*

a) Các khoản đầu tư lớn/*Major investments*: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết)/*Specify major investments implemented for the year (including financial investments and project investment), the implementation progress of major projects. If the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons incase of achievement/failure to achieve the announced and committed targets.*

b) Các công ty con, công ty liên kết/*Subsidiaries, associated companies*: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/*(Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies)*.

4. *Tình hình tài chính/Financial situation*

a) *Tình hình tài chính/Financial situation*

| Chỉ tiêu/Indicators | Năm/Year X - 1 | Năm/ Year X | % tăng giảm/% change |
|---|---------------------------|------------------------|-------------------------------------|
| * <i>Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions:</i> Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i> Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i> Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ | | | |

| | | | |
|--|--|--|--|
| <i>Profit from business activities</i> Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i> Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i> Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i> Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Payout ratio</i> * <i>Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/Applicable to credit institutions and non-bank financial institutions:</i> Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset value</i> Doanh thu/ <i>Revenue</i> Thuế và các khoản phải nộp/ <i>Taxes and payables</i> Lợi nhuận trước thuế/ <i>Before tax profit</i> Lợi nhuận sau thuế/ <i>After tax profit</i> | | | |
|--|--|--|--|

- Các chỉ tiêu khác/*Other figures*: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/*depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years*).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/*Major financial indicators*:

| Chỉ tiêu/Indicators | Năm/Year X - 1 | Năm/Year X | Ghi chú/ Note |
|---|---------------------------|-----------------------|--------------------------|
| 1. <i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/Solvency ratio</i> + Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio</i> : Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset/Short term debt</i>) + Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick ratio</i> : <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <u>Short term Asset - Inventories</u> Short term Debt | | | |

| | | | |
|--|--|--|--|
| <p>2. <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/capital structure Ratio</i></p> <p>+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>)</p> <p>+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owner's Equity ratio</i>)</p> | | | |
| <p>3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/Operation capability Ratio</i></p> <p>+ Vòng quay hàng tồn kho/<i>Inventory turnover:</i></p> <p>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>)</p> <p>+ Vòng quay tổng tài sản/<i>Total asset turnover:</i></p> <p>Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân (<i>Net revenue/Average Total Assets</i>)</p> | | | |
| <p>4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/Profitability</i></p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/Net revenue Ratio</i>)</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/total capital Ratio</i>)</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/Total assets Ratio</i>)</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Profit from business activities/Net revenue Ratio</i>)</p> <p>.....</p> | | | |

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/*For credit institutions and non-bank financial institutions:*

| Chỉ tiêu/Indicators | Năm/Year X-1 | Năm/Year X | Ghi chú/ Note |
|---|-------------------------|-----------------------|--------------------------|
| <i>1. Quy mô vốn/Capital size</i> | | | |
| - <i>Vốn điều lệ/Charter Capital</i> | | | |
| <i>Tổng tài sản có/Total assets</i> | | | |
| <i>Tỷ lệ an toàn vốn/Capital adequacy ratio</i> | | | |
| <i>2. Kết quả hoạt động kinh doanh/ Operating results</i> | | | |
| <i>Doanh số huy động tiền gửi/Cash deposits</i> | | | |
| <i>Doanh số cho vay/Lendings</i> | | | |
| <i>Doanh số thu nợ/Debt collection</i> | | | |
| <i>Nợ quá hạn/Overdue debts</i> | | | |
| <i>Nợ khó đòi/Bad debt</i> | | | |
| <i>Hệ số sử dụng vốn/Incremental Capital Output Ratio</i> | | | |
| <i>Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh/Overdue outstanding underwritten debt/Total outstanding debt Ratio</i> | | | |
| <i>Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ/Overdue debts/Total debt Ratio</i> | | | |
| <i>Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ/Bad debt/Total debt Ratio</i> | | | |
| <i>3. Khả năng thanh khoản/Solvency</i> | | | |
| <i>Khả năng thanh toán ngay/Short term solvency</i> | | | |
| <i>Khả năng thanh toán chung/General solvency</i> | | | |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/Shareholders structure, change in the owner's equity.

a) *Cổ phần/Shares:* Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển

nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/*Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, the Company's Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.*

b) Cơ cấu cổ đông/*Shareholders structure*: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/*Specify shareholders structure by ownership percentages (major, minority shareholders); institutional and individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders; foreign shareholder's maximum percentages.*

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/*Change in the owner's equity*: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần kể từ khi thành lập bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v (thời điểm, giá trị, đối tượng chào bán, đơn vị cấp)/*Specify equity increases including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, issuance of bonus shares, shares dividend, etc.*

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/*Transaction of treasury stocks*: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/*Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties.*

e) Các chứng khoán khác/*Other securities*: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác

hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/*Specify other securities issues conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issues.*

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/*Environment-Social-Governance (ESG) Report of the Company*

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp/*Total direct and indirect GHG emission*

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính/*Measures and initiatives to reduce GHG emission.*

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/*Management of raw materials:*

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/*The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.*

b) Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/*The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.*

6.3. Tiêu thụ năng lượng/*Energy consumption:*

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/*Energy consumption - directly and indirectly.*

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/*Energy savings through initiatives of efficiently using energy.*

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/*The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.*

6.4. *Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

a) *Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/Water supply and amount of water used.*

b) *Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/Percentage and total volume of water recycled and reused.*

6.5. *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/Compliance with the law on environmental protection:*

a) *Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.*

b) *Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.*

6.6. *Chính sách liên quan đến người lao động/Policies related to employees*

a) *Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/Number of employees, average wages of workers.*

b) *Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

c) *Hoạt động đào tạo người lao động/Employee training*

- *Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.*

- *Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

6.7. *Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/Report on responsibility for local community.*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/The community investments and

other community development activities, including financial assistance to community service.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/Report on green capital market activities under the guidance of the SSC.

Lưu ý/Note: *(Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)/(As for Section 6 of Part II of this Appendix, the company may set up a separate Sustainability Development Report, in which the items 6.1, 6.2 and 6.3 are not mandatory for companies operating in sector of finance, banking, securities and insurance).*

Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực báo cáo quốc tế trong việc báo cáo Phát triển bền vững/Public companies are encouraged to apply the globally accepted reporting and disclosure standards in preparing their sustainability reports.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/Reports and assessments of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/the Board of Management reports and assesses the Company's situation through every facet)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/Assessment of operating results

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/General analysis of company's operations against the previous operating targets and results. In case of failing to meet the operating results and targets, the Board of Management must clearly state the reasons and their responsibilities for such results (if any).

- Những tiến bộ công ty đã đạt được/*The Company's achievements.*

2. Tình hình tài chính/*Financial Situation*

a) Tình hình tài sản/*Assets*

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản và nợ phải thu quá hạn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/*Analysis of assets and changes in assets (analysis and assessment of the efficiency of assets usage and bad receivable debts that affect operating results).*

b) Tình hình nợ phải trả/*Debt Payable*

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/*Current debts, major changes of debts.*

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/*Analysis of bad debts, impacts of the exchange rate changes on operating results of the Company and impacts of lending rate changes.*

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/*Improvements in organizational structure, policies, and management.*

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/*Development plans in future*

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần)/*Explanation of the Board of Management for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not unqualified).*

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/*Assessment Report related to environmental and social responsibilities of the Company*

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/*Assessment concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions, etc.).*

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/*Assessment concerning the labor issues*

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/*Assessment concerning the corporate responsibility for the local community*

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/Assessments of the Board of Directors on the Company's operation (for joint stock companies)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/Assessments of the Board of Directors on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management's performance

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/Plans and orientations of the Board of Directors

V. Quản trị công ty/Corporate governance

1. Hội đồng quản trị/Board of Directors

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/Members and structure of the Board of Directors: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/(the list of members of the Board of Directors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company, the list of independent members and other members; the list of positions that a member of the Board of Directors at the Company hold at other companies).

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/The committees of the Board of Directors: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/The list of the subcommittees of the Board of Directors and list of members of each subcommittee).

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/Activities of the Board of Directors: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/Assessing activities of the Board of Directors and specifying the number of Board of Directors meetings, their contents and results.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/*Activities of the Board of Directors' independent members*. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors' subcommittees*: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*assessing activities of the subcommittees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each subcommittee, their contents and results*).

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/*The list of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. The list of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year*.

2. Ban Kiểm soát/Ủy ban kiểm toán /*Board of Supervisors/Audit Committee*

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán/*Members and structure of the Board of Supervisors/Audit Committee*: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/*The list of members of the Board of Supervisors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company*).

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán/*Activities of the Board of Supervisors/Audit Committee*: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessing activities of the Board of Supervisors/Audit Committee, specifying the number of Board of Supervisors'/Audit Committee's meetings, their contents and results*).

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán/*Transactions, remunerations and benefits of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors/Audit Committee*

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/*Salary, rewards, remuneration and benefits*: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích

và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/*Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, the Board of Supervisors/Audit Committee, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and explained*).

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ/*Share transactions by internal shareholders*: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about share transactions of members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors/Audit Committee, Director (General Director), Chief Accountant, the company's managers, secretaries, major shareholders and their affiliated persons*).

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ/*Contracts or transactions with internal shareholders*: Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about the contracts, or transactions signed or executed in the year by the members of the Board of Directors, Board of Supervisors/Audit Committee, Director (General Director), managers and affiliated persons with the Company, subsidiaries, and other companies in which the Company holds the control right*.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/*Assessing the implementation of regulations on corporate governance*: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/*Specifying the contents which have not been implemented in accordance with the laws on corporate governance. Specifying reasons and solutions to improve the efficiency of corporate governance*).

VI. Báo cáo tài chính/*Financial statements***1. Ý kiến kiểm toán/*Auditor's opinions***

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/*Audited financial statements* (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ/*Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance with the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and clearly state the addresses where the financial statements of the parent company to be published and provided*).

Nơi nhận:**Recipients:**

-

- Lưu: VT,...

- Archived:....

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY****CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL
REPRESENTATIVE***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)**(Signature, full name and seal)*

Phụ lục V**Appendix V****BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

*(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020
of the Minister of Finance)*

**TÊN CÔNG TY
COMPANY'S NAME**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness**

Số:..../BC-...

....., ngày... tháng... năm.....

No:..../BC-...

....., day.... month..., year....

BÁO CÁO

Tình hình quản trị công ty

REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE

(6 tháng/năm)

(6 months/year)

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.

To:

- The State Securities Commission;
- The Stock Exchange.

- Tên công ty/Name of company:

- Địa chỉ trụ sở chính/Address of headoffice:

- Điện thoại/Telephone: Fax: Email:

- Vốn điều lệ/Charter capital:

- Mã chứng khoán/Stock symbol:

- Mô hình quản trị công ty/Governance model:

+ Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc/Giám đốc/*General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors, General Director and Director.*

+ Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc/Giám đốc và có Ủy ban kiểm toán thuộc Hội đồng quản trị/*General Meeting of Shareholders, Board of Directors, General Director, Director and Audit Committee under the Board of Directors.*

- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện/Chưa thực hiện/*The implementation of internal audit: Implemented/Not yet implemented.*

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/*Activities of the General Meeting of Shareholders*

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/*Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments):*

| Stt No. | Số Nghị quyết/Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i> | Ngày <i>Date</i> | Nội dung <i>Content</i> |
|------------|--|---------------------|----------------------------|
| | | | |

II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm)/*Board of Directors (Semi-annual report/annual report):*

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/*Information about the members of the Board of Directors:*

| Stt No. | Thành viên HĐQT/ <i>Board of Directors' members</i> | Chức vụ/ <i>Position (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành) Independent members of the Board of Directors, Non- executive members of the Board of Directors))</i> | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập <i>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors</i> | |
|------------|---|---|--|---|
| | | | Ngày bổ nhiệm <i>Date of appointment</i> | Ngày miễn nhiệm <i>Date of dismissal</i> |
| | Ông/Bà Mr./Ms. ... | | | |

2. Các cuộc họp HĐQT/*Meetings of the Board of Directors:*

| Stt No. | Thành viên HĐQT/ <i>Board of Director' member</i> | Số buổi họp HĐQT tham dự/ <i>Number of meetings attended by Board of Directors</i> | Tỷ lệ tham dự họp/ <i>Attendance rate</i> | Lý do không tham dự họp/ <i>Reasons for absence</i> |
|------------|---|--|--|--|
| | Ông/Bà Mr./Ms. ... | | | |

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/*Supervising the Board of Management by the Board of Directors:*

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)/*Activities of the Board of Directors' subcommittees (If any):*

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm)/*Resolutions/Decisions of the Board of Directors (Semi-annual report/annual report):*

| Stt No. | Số Nghị quyết/Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i> | Ngày <i>Date</i> | Nội dung <i>Content</i> | Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i> |
|------------|--|---------------------|----------------------------|---|
| | | | | |

III. Ban kiểm soát/Ủy ban Kiểm toán (Báo cáo 6 tháng/năm)/*Board of Supervisors/Audit Committee (Semi-annual report/annual report):*

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/Ủy ban Kiểm toán/*Information about members of Board of Supervisors or Audit Committee:*

| Stt No. | Thành viên BKS/Ủy ban Kiểm toán <i>Members of Board of Supervisors/ Audit Committee</i> | Chức vụ <i>Position</i> | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS/Ủy ban Kiểm toán <i>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Supervisors/Audit Committee</i> | Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i> |
|------------|--|----------------------------|--|--|
| | Ông/Bà Mr./Ms. ... | | | |

2. Cuộc họp của BKS/Ủy ban Kiểm toán/*Meetings of Board of Supervisors or Audit Committee*

| Stt No. | Thành viên BKS/Ủy ban Kiểm toán <i>Members of Board of Supervisors/Audit Committee</i> | Số buổi họp tham dự <i>Number of meetings attended</i> | Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendance rate</i> | Tỷ lệ biểu quyết <i>Voting rate</i> | Lý do không tham dự họp <i>Reasons for absence</i> |
|------------|---|---|--|---|--|
| | Ông/Bà Mr./Ms. ... | | | | |

3. Hoạt động giám sát của BKS/Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông/*Supervising Board of Directors, Board of Management and shareholders by Board of Supervisors or Audit Committee:*

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS/Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/*The coordination among the Board of Supervisors, Audit Committee, the Board of Management, Board of Directors and other managers:*

5. Hoạt động khác của BKS/Ủy ban Kiểm toán (nếu có)/*Other activities of the Board of Supervisors and Audit Committee (if any):*

IV. Ban điều hành/*Board of Management*

| STT No. | Thành viên Ban điều hành/ <i>Members of Board of Management</i> | Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i> | Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i> | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/ <i>Date of appointment/ dismissal of members of the Board of Management/</i> |
|------------|--|--|--|---|
| | Ông/Bà Mr./Ms. | | | |

V. Kế toán trưởng/Chief Accountant

| Họ và tên <i>Name</i> | Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i> | Trình độ chuyên môn nghề nghiệp <i>Qualification</i> | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm <i>Date of appointment/ dismissal</i> |
|--------------------------|--|--|---|
| | | | |

VI. Đào tạo về quản trị công ty/Training courses on corporate governance:

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty/*Training courses on corporate governance were involved by members of Board of Directors, the Board of Supervisors, Director (General Director), other managers and secretaries in accordance with regulations on corporate governance:*

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo 6 tháng/năm) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/The list of affiliated persons of the public company (Semi-annual report/annual report) and transactions of affiliated persons of the Company)

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/*The list of affiliated persons of the Company*

| STT No. | Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i> | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i> | Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i> | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i> | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i> | Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i> | Lý do <i>Reasons</i> | Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relatio nship with the Company</i> |
|------------|---|--|--|---|---|--|---|-------------------------|--|
| | | | | | | | | | |

Ghi chú/Note: Số Giấy NSH: Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH* No.: ID card No./Passport No. (As for*

individuals) or Business Registration Certificate No., License on Operations or equivalent legal documents (As for organisations).

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/
Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons.

| STT No. | Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i> | Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i> | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i> | Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i> | Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐ QT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)</i> | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i> | Ghi chú <i>Note</i> |
|------------|---|---|---|---|---|---|--|---------------------------|
| | | | | | | | | |

Ghi chú/Note: Số Giấy NSH: Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH* No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on operations or equivalent legal documents (As for organisations).*

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/
Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power.

| Stt No. | Người thực hiện giao dịch <i>Transaction executor</i> | Quan hệ với người nội bộ <i>Relationship with internal persons</i> | Chức vụ tại CTNY <i>Position at the listed Company</i> | Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./ Passport No., date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ <i>Address</i> | Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát <i>Name of subsidiaries or companies which the Company control</i> | Thời điểm giao dịch <i>Time of transaction</i> | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i> | Ghi chú <i>Note</i> |
|---------|--|---|---|--|---------------------------|--|---|---|------------------------|
| | | | | | | | | | |

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/*Transactions between the Company and other objects*

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/*Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting).*

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/*Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO).*

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác/*Other transactions of the Company (if any) may bring material or non-material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers.*

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng/năm)/Share transactions of internal persons and their affiliated persons (Semi-annual report/annual report)

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/*The list of internal persons and their affiliated persons*

| Stt No. | Họ tên <i>Name</i> | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i> | Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i> | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ liên hệ <i>Address</i> | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i> | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i> | Ghi chú <i>Note</i> |
|---------|--|--|---|---|-----------------------------------|--|--|------------------------|
| 1 | (Tên người nội bộ/ <i>Name of internal person</i>) | | | | | | | |
| | Tên người có liên quan của người nội bộ/ <i>Name of affiliated persons</i> | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | |

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/*Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company*

| Stt No. | Người thực hiện giao dịch <i>Transaction executor</i> | Quan hệ với người nội bộ <i>Relationship with internal persons</i> | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ <i>Number of shares owned at the beginning of the period</i> | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i> | | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) <i>Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, etc.)</i> |
|------------|--|--|--|----------------------------|---|----------------------------|--|
| | | | Số cổ phiếu <i>Number of shares</i> | Tỷ lệ <i>Percentage</i> | Số cổ phiếu <i>Number of shares</i> | Tỷ lệ <i>Percentage</i> | |
| | | | | | | | |

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/Other significant issues

Nơi nhận:

Recipients:

-

- Lưu: VT,...

- Archived:.....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHAIRMAN OF THE BOARD OF
DIRECTORS

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(Sign, full name and seal)

Phụ lục VI**Appendix VI****BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TÌNH HÌNH THANH TOÁN GỐC, LÃI TRÁI PHIẾU
DOANH NGHIỆP*****PERIODIC REPORT ON CORPORATE BOND PRINCIPAL AND
INTEREST PAYMENTS***

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

*(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020
of the Minister of Finance)*

| | |
|---|--|
| TÊN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH NAME OF THE ISSUER | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc Independence - Freedom - Happiness |
|---|--|

Số:...../BC-.....

....., ngày... tháng... năm.....

No:...../BC-.....

....., day.... month..., year....

BÁO CÁO**Định kỳ tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu doanh nghiệp**
***PERIODIC REPORT ON CORPORATE BOND'S PRINCIPAL AND
INTEREST PAYMENTS***

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.

To:

- The State Securities Commission;
- The Stock Exchange.

**I. Báo cáo tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu/Report on bond principal
and interest payments**

(Kỳ báo cáo từ ngày... đến ngày...)/Reporting period from... to....

| TT No | Kỳ hạn Period | Ngày phát hành Issue date | Ngày đáo hạn Maturity | Số dư đầu kỳ Opening balance | | Thanh toán trong kỳ Payment during the period | | Dư nợ cuối kỳ Closing balance | |
|----------|----------------------|---------------------------------------|-----------------------------|------------------------------------|-----------------|--|-----------------|-------------------------------------|-----------------|
| | | | | Gốc Principal | Lãi Interest | Gốc Principal | Lãi Interest | Gốc Principal | Lãi Interest |
| 1 | 1 năm/one year | | | | | | | | |
| 2 | 2 năm/2 years | | | | | | | | |
| ... | ... | | | | | | | | |

Ghi chú: Trường hợp không thanh toán được, nêu rõ lý do

Note: In case of default, state the reasons

II. Báo cáo tình hình nắm giữ trái phiếu theo nhà đầu tư/Report on bond ownership according to the type of investors

(Kỳ báo cáo từ ngày... đến ngày...) Reporting period from... to....

| Loại Nhà đầu tư Type of investors | Dư nợ đầu kỳ Opening balance | | Thay đổi trong kỳ Changes during the period | | Dư nợ cuối kỳ Closing balance | |
|--|---------------------------------|------------------------|---|------------------------|----------------------------------|------------------------|
| | Giá trị Value | Tỷ trọng Percentage | Giá trị Value | Tỷ trọng Percentage | Giá trị Value | Tỷ trọng Percentage |
| I. Nhà đầu tư trong nước/Domestic investors | | | | | | |
| 1. Nhà đầu tư có tổ chức/Institutional investors | | | | | | |
| a) Tổ chức tín dụng*/Credit institutions | | | | | | |
| b) Quỹ đầu tư/Investment funds | | | | | | |
| c) Công ty chứng khoán/Securities companies | | | | | | |

| Loại Nhà đầu tư <i>Type of investors</i> | Dư nợ đầu kỳ <i>Opening balance</i> | | Thay đổi trong kỳ <i>Changes during the period</i> | | Dư nợ cuối kỳ <i>Closing balance</i> | |
|--|--|--|---|--|---|--|
| d) Công ty Bảo hiểm/ <i>Insurance companies</i> | | | | | | |
| đ) Các tổ chức khác/ <i>Other organisations</i> | | | | | | |
| 2. Nhà đầu tư cá nhân/ <i>Individual investors</i> | | | | | | |
| II. Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign investors</i> | | | | | | |
| 1. Nhà đầu tư có tổ chức/ <i>Institutional investors</i> | | | | | | |
| a) Tổ chức tín dụng/ <i>Credit institutions</i> | | | | | | |
| b) Quỹ đầu tư/ <i>Investment funds</i> | | | | | | |
| c) Công ty chứng khoán/ <i>Securities companies</i> | | | | | | |
| d) Công ty Bảo hiểm/ <i>Insurance companies</i> | | | | | | |
| đ) Các tổ chức khác/ <i>Other organisations</i> | | | | | | |
| 2. Nhà đầu tư cá nhân/ <i>Individual investors</i> | | | | | | |
| Tổng/ <i>Total</i> | | | | | | |

* Tổ chức tín dụng bao gồm: ngân hàng thương mại, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính, tổ chức tài chính vi mô, quỹ tín dụng nhân dân/*Credit institutions include: commercial banks, finance companies, financial leasing companies, microfinance institutions, people's credit funds.*

Nơi nhận:

Recipients:

-

- Lưu: VT,...

- Archived:...

**XÁC NHẬN ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH TRÁI
PHIẾU/CONFIRMATION BY THE
LEGAL REPRESENTATIVE OF THE
BOND ISSUER**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(Sign, full name and seal)

Phụ lục VII**Appendix VII**

**BÁO CÁO VỀ NGÀY TRỞ THÀNH/KHÔNG CÒN LÀ CỔ ĐÔNG LỚN,
NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN CỔ PHIẾU/
CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG**

***REPORT ON THE DAY BECOMING/CEASING TO BE MAJOR
SHAREHOLDERS OR INVESTORS OWNING 5% OR MORE OF
SHARES/CLOSED-END FUND CERTIFICATES***

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

*(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020
of the Minister of Finance)*

TÊN CÔNG TY/CÁ NHÂN
COMPANY'S NAME/FULL
NAME

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số:...../BC-.....

....., ngày... tháng..... năm.....

No:...../BC-.....

....., month... day..... year.....

BÁO CÁO

**Về ngày trở thành/không còn là cổ đông lớn nhất, nhà đầu tư nắm giữ từ 5%
trở lên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng**

***REPORT ON THE DAY BECOMING/CEASING TO BE MAJOR
SHAREHOLDERS, INVESTORS OWNING 5% OR MORE OF
SHARES/CLOSED-END FUND CERTIFICATES***

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán;
- Tên Công ty đại chúng/Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

To:

- The State Securities Commission;
- The Stock Exchange;
- Name of The public company/The fund management company.

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức đầu tư/*Information on individual/organization:*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức đầu tư/*Name of individual/organisation:*

- Quốc tịch/*Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/*ID card No./Passport No. (as for individuals) or Business Registration Certificate No., License on Operations or relevant legal documents (as for organizations), date of issue, place of issue.*

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/*Contact Address/address of head office:*

- Điện thoại/*Telephone:*..... Fax:..... Email:.....
Website:.....

2. Người có liên quan của cá nhân/tổ chức đầu tư (đang nắm giữ cùng loại cổ phiếu/chứng chỉ quỹ)/*Affiliated persons/organisation (currently owning the same types of shares/fund certificates):*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức có liên quan/*Full name of affiliated persons:*

- Quốc tịch/*Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/*ID card No./Passport No. (as for individuals) or Business Registration Certificate No. or License on Operations or relevant legal documents (as for organizations), date of issue, place of issue.*

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng/công ty quản lý quỹ (nếu có)/*Current position at the public company/fund management company (if any):*

- Mối quan hệ với cá nhân/tổ chức đầu tư/*Relationship with individuals/organisations:*

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán/*Ownership percentage of shares:*

3. Tên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/mã chứng khoán sở hữu/*Name & code of shares/fund certificates owned:*

4. Các tài khoản giao dịch có chứng khoán nêu tại mục 3/*Trading accounts with securities mentioned in the paragraph 3 above:* Tại công ty chứng khoán/*At the securities company:*

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/*Number, ownership percentage of shares or fund certificates owned before the transaction:*

6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đã mua/bán/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi tại ngày làm thay đổi tỷ lệ sở hữu và trở thành/hoặc không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư sở hữu từ 5% cổ phiếu/chứng chỉ quỹ của quỹ đóng/*Number of shares or fund certificates purchased, sold, transferred or swapped at the date that changed the ownership percentage and became or ceased to be a major shareholder or investor owning 5% or more of closed-end fund's certificates:*

7. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch (hoặc thực hiện hoán đổi)/*Number, ownership percentage of shares or fund certificates owned after the transaction (or the swap):*

8. Ngày thực hiện giao dịch (hoặc thực hiện hoán đổi) làm thay đổi tỷ lệ sở hữu và trở thành cổ đông lớn/không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư nắm giữ từ 5% chứng chỉ quỹ của quỹ đóng/*The trading date (or swap date) that changed the ownership percentage and became/ceased to be a major shareholder or investor owning 5% or more of closed-end fund certificates:*

9. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ người có liên quan đang nắm giữ/*Number, ownership percentage of shares or fund certificates currently owned by the affiliated persons:*

10. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ cùng người có liên quan nắm giữ sau khi giao dịch/*Number, ownership percentage of shares or fund certificates owned by individuals/organizations together with affiliated persons after the transaction:*

Nơi nhận:

Recipients:

-

- Lưu: VT,...

- Archived:....

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
ORGANIZATION/INDIVIDUAL
AUTHORIZED TO REPORT AND DISCLOSE
INFORMATION**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)

(Signature, full name and seal - if any)

Phụ lục VIII**Appendix VIII****BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN, NHÀ ĐẦU TƯ
NĂM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG****REPORT ON OWNERSHIP CHANGES OF MAJOR
SHAREHOLDERS/INVESTORS HOLDING 5% OR MORE OF
SHARES/CLOSE-ENDED FUND CERTIFICATES**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

*(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020
of the Minister of Finance)*

| | |
|---|---|
| TÊN CÔNG TY/CÁ NHÂN COMPANY'S NAME/NAME _____ | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Independence - Freedom - Happiness _____ |
|---|---|

Số:...../BC-.....

....., ngày... tháng..... năm.....

No:...../BC-.....

....., month... day..... year.....

BÁO CÁO**Về thay đổi sở hữu của cổ đông lớn, nhà đầu tư năm giữ từ 5%
trở lên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng****REPORT ON OWNERSHIP CHANGES OF MAJOR
SHAREHOLDERS/INVESTORS HOLDING 5% OR MORE OF
SHARES/CLOSE-ENDED FUND CERTIFICATES**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán;
- Tên Công ty đại chúng/Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

To:

- The State Securities Commission;
- The Stock Exchange;
- Name of the public company/the securities investment fund management company.

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức đầu tư/*Information on individual/investor*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức đầu tư/*Name of individual/organisation*

- Quốc tịch/*Nationality*:

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/*Number of ID card/Passport (in case of an individual) or number of Business Registration Certificate, Operation License or equivalent legal document (in case of an organisation), date of issue, place of issue*:

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/*Contact address/address of head office*:

- Điện thoại/*Telephone*:..... Fax:..... Email:..... Website:.....

2. Người có liên quan của cá nhân/tổ chức đầu tư (đang nắm giữ cùng loại cổ phiếu/chứng chỉ quỹ)/*Affiliated person of individual/organisation (currently holding the same types of shares/fund certificates)*:

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức có liên quan/*Full name of affiliated individual/organisation*:

- Quốc tịch/*Nationality*:

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/*Number of ID card/Passport (in case of an individual) or number of Business Registration Certificate, Operation License or equivalent legal document (in case of an organisation), date of issue, place of issue*:

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng/công ty quản lý quỹ (nếu có)/*Current position in the public company/fund management company (if any)*:

- Mối quan hệ với cá nhân/tổ chức đầu tư/*Relationship with the individual/organization*:

3. Tên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/mã chứng khoán sở hữu/*Name of shares/fund certificates/code of securities owned*:

4. Các tài khoản giao dịch có chứng khoán nêu tại mục 3/*Trading accounts with shares at above-mentioned 3 point*: Tại công ty chứng khoán/*in the securities company*:

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/*Number, ownership percentage of shares/fund certificates held before the transaction:*

6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đã mua/bán/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi (làm tỷ lệ sở hữu có thay đổi qua ngưỡng một phần trăm (1%)/*Number of shares/fund certificates bought/sold/transferred/received the transfer/swaped (making the ownership percentage change over the threshold of one percent (1%):*

7. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/*Number, ownership percentage of shares/close-ended fund certificates held after the transaction:*

8. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng mà người có liên quan đang nắm giữ/*Number and ownership percentage of shares/close-ended fund certificates currently held by the affiliated person:*

9. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng cùng người có liên quan nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/*Number, ownership percentage of shares/close-ended fund certificates held affiliated persons after the transaction:*

10. Lý do thay đổi sở hữu/*Reasons for ownership change:*

11. Ngày giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu/*Trading day changes the ownership percentage:*

12. Các thay đổi quan trọng khác (nếu có)/*Other significant changes (if any):*

Nơi nhận:

Recipients:

-

- Lưu: VT,...

- Archived:.....

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
REPORTING**

**ORGANISATION/INDIVIDUAL/PERSONS
AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)

(Signature, full name and seal - if any)

Phụ lục IX**Appendix IX**

**BÁO CÁO VỀ SỞ HỮU CỦA NHÓM NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI
CÓ LIÊN QUAN LÀ CỔ ĐÔNG LỚN, NHÀ ĐẦU TƯ NẴM GIỮ TỪ 5%
TRỞ LÊN CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG**

**REPORT ON OWNERSHIP OF GROUP OF AFFILIATED FOREIGN
INVESTORS AS SHAREHOLDERS/INVESTORS HOLDING 5% OR MORE
OF SHARES/CLOSE-ENDED FUND CERTIFICATES**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

*(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020
of the Minister of Finance)*

**TÊN CÔNG TY/CÁ NHÂN
COMPANY'S
NAME/NAME**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số:...../BC-.....

....., ngày... tháng..... năm.....

No:...../BC-.....

....., month... day..... year.....

BÁO CÁO

**Về sở hữu của nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan là cổ đông lớn, nhà
đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng**

**REPORT ON OWNERSHIP OF GROUP OF AFFILIATED FOREIGN
INVESTORS AS SHAREHOLDERS/INVESTORS HOLDING 5% OR MORE
OF SHARES/CLOSE-ENDED FUND CERTIFICATES**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán;
- Tên Công ty đại chúng/Công ty quản lý các quỹ đóng.

To:

- The State Securities Commission;
- The Stock Exchange;
- Name of the public company/the close - ended fund management company.

1. Chúng tôi là: *(thông tin về tổ chức được chỉ định/cá nhân được ủy quyền thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu và công bố thông tin)*/We are: *(information*

about the designated organisation/individual authorized to perform obligations of ownership reporting and information disclosure)

| Tên của tổ chức, họ và tên cá nhân/Name of individual/organisation | Số Giấy NSH* Owner's Certificate number * | Địa chỉ trụ sở chính (địa chỉ liên lạc)/tel/fax/email/Address of Head office (Permanent address)/tel/fax/email |
|--|--|---|
| 1- Trường hợp tổ chức được chỉ định (Tên Công ty A/Quỹ A, họ và tên người đại diện theo pháp luật/đại diện có thẩm quyền, số giấy NSH, địa chỉ trụ sở chính)/ <i>In case of an designated organisation (Name of Company A/Fund A, full name of legal representative/authorized representative, Owner's Certificate number, head office address</i> | | |
| a) Tên tổ chức/Name of organisation: | | |
| b) Họ và tên người đại diện theo pháp luật/Danh sách các đại diện có thẩm quyền/Full name of legal representative/list of authorized individuals: | | |
| 2- Trường hợp cá nhân được ủy quyền (họ và tên, số giấy NSH, địa chỉ liên lạc):/ <i>In case of an authorized individual (Full name, Owner's Certificate Number, contact address)</i> | | |
| | | |

Ghi chú NSH: Đối với cá nhân: Hộ chiếu còn hiệu lực/chứng thực cá nhân hợp pháp khác; Đối với tổ chức: Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/tài liệu pháp lý tương đương.*

Note: Owner's Certificate: For an individual: Valid passport/other legal personal identification; For an organisations: License of establishment and operation/business registration certificate/equivalent legal document.*

2. Đại diện được chỉ định/ủy quyền thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu và công bố thông tin cho nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan/*The designated/authorized representative to carry out ownership reporting and information disclosure obligations to the group of following affiliated foreign investors:*

| STT/ No | Tên nhà đầu tư nước ngoài có liên quan/ <i>Name of affiliated foreign investor</i> | MSGD của nhà đầu tư/ <i>Trading code of the investor</i> | Tên đại diện giao dịch (nếu có)/ <i>Name of trading representative (if any)</i> |
|------------|--|--|---|
| 1 | | | |
| 2 | | | |

3. Tên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng/mã chứng khoán sở hữu là đối tượng báo cáo/*Name of shares/close-ended fund certificates/securities code owned as reporting object:*

4. Ngày giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của cả nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư lớn/*The trading day changes the ownership percentage of the group of affiliated foreign investors to become or be no longer major shareholders/investors:*

5. Thông tin chi tiết về tình hình giao dịch chứng khoán của các thành viên dẫn tới cả nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư lớn/*Details of the securities trading situation of members leading to the group of affiliated foreign investors becoming or being no longer major shareholders/investors*

| TT/ No | Tên nhà đầu tư nước ngoài có liên quan thực hiện giao dịch/ <i>Name of affiliated foreign investors conducting the transaction</i> | Tài khoản giao dịch chứng khoán/ <i>Securities trading account</i> | Tài khoản lưu ký chứng khoán/ <i>Securities depository account No.</i> | Trước giao dịch/Before trading | | Sau giao dịch/After trading | | Số lượng đã giao dịch (Mua/bán) Number traded (Buy/sell) |
|---|--|--|--|---|---|---|---|--|
| | | | | Số lượng sở hữu/ <i>Number of ownership</i> | Tỷ lệ sở hữu/ <i>Ownership percentage</i> | Số lượng sở hữu/ <i>Number of ownership</i> | Tỷ lệ sở hữu/ <i>Ownership percentage</i> | |
| | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8)= (6)-(4) |
| 1 | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | |
| Tổng cả nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan/ <i>Total group of affiliated foreign investors</i> | | | | | | | | |

Ghi chú/Notes:

- Báo cáo được thực hiện khi giao dịch của thành viên trong nhóm làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của cả nhóm trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư lớn/*The report is made when the group member's transactions change the group's ownership percentage to become or to be no longer a major shareholder/investor;*

- Báo cáo liệt kê chi tiết tình trạng sở hữu của tất cả các thành viên trong nhóm, kể cả các thành viên không thực hiện giao dịch/The report details the ownership situation of all group members, including non-trading members

- Tài khoản lưu ký chứng khoán: là tài khoản lưu ký của nhà đầu tư mở tại ngân hàng lưu ký (nếu có) hoặc là tài khoản giao dịch chứng khoán/Securities depository account is an investor's account opened at the custodian bank (if any) or a securities trading account

6. Ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư lớn/Date of becoming or being no longer major shareholder/investor:

Chúng tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên hoàn toàn đúng/We hereby certify that the above-mentioned information is completely true and correct.

Chữ ký xác nhận của tổ chức được chỉ định/cá nhân được ủy quyền báo cáo sở hữu/công bố thông tin/Signature of designated organisation/individual authorized to report the ownership and disclose information

- Trường hợp là cá nhân/In case of an individual:

Họ và tên, chữ ký của cá nhân được ủy quyền:/Full name, signature of authorized individual: _____

- Trường hợp là tổ chức/In case of an organisation:

Tên Tổ chức được chỉ định/Name of designated organisation: _____

Họ và Tên, chữ ký của các đại diện có thẩm quyền, và đóng dấu (nếu có con dấu) (Full name, signature of authorized representatives and seal - if any)

Chức danh/Title:

Ngày thực hiện/Reporting date

(Xem tiếp Công báo số 15 + 16)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: <http://congbao.chinhphu.vn>
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng